

TIẾT 16. BÀI 8. ĐÔ THỊ HOÁ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

Đã bỏ ý: mạng lưới đô thị.

- Trình bày được đặc điểm đô thị hoá ở Việt Nam.
- Phân tích được ảnh hưởng của đô thị hoá đến phát triển kinh tế - xã hội.
- Sử dụng được bản đồ, số liệu thống kê để nhận xét và giải thích về đô thị hoá ở nước ta.

2. Năng lực:

*** Năng lực chung:**

- *Năng lực tự chủ và tự học:*
 - + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm.
 - + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân.
- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm.
- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ...

*** Năng lực đặc thù:**

- *Nhận thức khoa học địa lí:*
 - + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Sử dụng được bản đồ dân cư để xác định được sự phân bố mạng lưới đô thị nước ta.
 - + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Biết và giải thích được đặc điểm quá trình đô thị hóa, mạng lưới đô thị và tác động của đô thị hóa tới kinh tế - xã hội nước ta.
- *Tìm hiểu địa lí:*
 - + Sử dụng các công cụ địa lí
 - > Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlat...
 - > Biết đọc và sử dụng bản đồ, Atlat Địa lí Việt Nam.
 - > Biết nhận xét, phân tích được bảng số liệu thống kê.
 - > Sử dụng mô hình, tranh ảnh...
 - + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí.
- *Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:*
 - + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về đặc điểm quá trình đô thị hóa, mạng lưới đô thị và tác động của đô thị hóa tới kinh tế - xã hội nước ta.
 - + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến đặc điểm quá trình đô thị hóa, mạng lưới đô thị và tác động của đô thị hóa tới kinh tế - xã hội nước ta.

3. Phẩm chất:

- *Yêu nước:* Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. Tự hào về quá trình phát triển đô thị hóa ở nước ta.
- *Nhân ái:* Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Tôn trọng sự khác biệt về hoàn cảnh, điều kiện sống của mỗi người, mỗi khu vực.

- *Chăm chỉ*: Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.
- *Trung thực* trong học tập.
- *Trách nhiệm*: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

2. Học liệu: SGK, tranh ảnh, video.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định:

2. Kiểm tra bài cũ: Kết hợp trong quá trình học.

3. Hoạt động học tập:

HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)

a) Mục tiêu: Tạo sự hứng thú cho HS, từ đó dẫn dắt, giới thiệu vào nội dung bài học.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK.

c) Sản phẩm: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK, hoạt động cá nhân, trả lời các câu hỏi trong trò chơi.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Trình chiếu và cho HS chơi “Con số may mắn”, HS theo dõi và trả lời câu hỏi.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS theo dõi, có 10 giây suy ngẫm để trả lời câu hỏi.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

Mở đầu: Đô thị hoá là xu hướng phát triển tất yếu của thế giới. Năm 2021, tỉ lệ dân thành thị của thế giới là 56%; trong các châu lục, thấp nhất là châu Phi (44%) và cao nhất là châu Mỹ (hơn 80%). Vậy, đô thị hoá ở Việt Nam đạt mức độ nào, có đặc điểm gì và ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển của nước ta.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu đặc điểm đô thị hóa

a) Mục tiêu: HS trình bày được đặc điểm đô thị hóa ở Việt Nam.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, SGK, làm việc nhóm để hoàn thành yêu cầu.

Bảng 8.1. SỐ DÂN THÀNH THỊ VÀ TỈ LỆ DÂN THÀNH THỊ NƯỚC TA

GIẢI ĐOẠN 1970 - 2021

Năm	1970	1980	1990	2000	2010	2021
Số dân thành thị (triệu người)	7,6	10,1	12,9	18,7	26,5	36,6
Tỉ lệ dân thành thị (%)	18,3	19,2	19,5	24,1	30,4	37,1

(Nguồn: Tổng cục Thống kê năm 1991, 2001, 2011, 2022)

PHIẾU HỌC TẬP

Nhóm	Nội dung	Đặc điểm
1,2	Lịch sử đô thị hóa	
3,4	Đô thị hoá gắn với công nghiệp hoá, hiện đại hoá	

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

I. ĐẶC ĐIỂM ĐÔ THỊ HÓA Ở VIỆT NAM

Đặc điểm	Biểu hiện
----------	-----------

Lịch sử đô thị hóa	- Thế kỉ III trước Công nguyên: ra đời đô thị đầu tiên (thành Cổ Loa). - Từ thời phong kiến đến năm 1975: đô thị hoá diễn ra chậm, số lượng đô thị, tỉ lệ dân thành thị thấp. - Từ 1986: đô thị hoá diễn ra nhanh hơn. Số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị tăng khá nhanh.
Đô thị hoá gắn với công nghiệp hoá, hiện đại hoá	- Tỉ lệ dân thành thị của nước ta là 37,1%. - Nhiều đô thị được đầu tư quy hoạch đồng bộ về CSHT, xuất hiện nhiều đô thị hiện đại, đô thị thông minh. - Hình thành các cực tăng trưởng kinh tế và trung tâm đổi mới sáng tạo của cả nước: Hà Nội, TP HCM. - Tỉ lệ dân thành thị có sự khác biệt giữa các vùng.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- + Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.
- + HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 05 phút.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- + GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.
- + Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và hướng dẫn học sinh chốt kiến thức.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu ảnh hưởng của đô thị hóa đến phát triển kinh tế - xã hội

a) **Mục tiêu:** HS phân tích được ảnh hưởng của đô thị hóa đến phát triển kinh tế - xã hội.

b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, SGK, làm việc theo cặp để hoàn thành yêu cầu.

* **Câu hỏi:** Phân tích ảnh hưởng tích cực và hạn chế của đô thị hóa đến phát triển kinh tế - xã hội.

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

III. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐÔ THỊ HOÁ	
Ảnh hưởng	Biểu hiện
1. Tích cực	- Thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu lao động. - Là động lực phát triển kinh tế của cả nước và các địa phương. - Tăng cường cơ sở hạ tầng kĩ thuật, xã hội. - Đô thị hoá nông thôn có tác động lớn tới kinh tế - xã hội: + Góp phần phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. + Giải quyết việc làm cho lao động nông thôn. + Lan toả và phổ biến rộng rãi lối sống thành thị vào nông thôn. + Thay đổi môi trường, cảnh quan theo hướng hiện đại.
2. Tiêu cực	- Đô thị hoá diễn ra tự phát, không theo quy hoạch: + Gây sức ép việc làm. + Quá tải về cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kĩ thuật. + Gây sức ép về y tế, giáo dục. + Nảy sinh các vấn đề an ninh xã hội và ô nhiễm môi trường...

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK, kết hợp với hiểu biết của bản thân và trao đổi với bạn bên cạnh để trả lời câu hỏi.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 02 phút.

+ GV: quan sát và trợ giúp các cặp.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau.

+ Đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và hướng dẫn học sinh chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

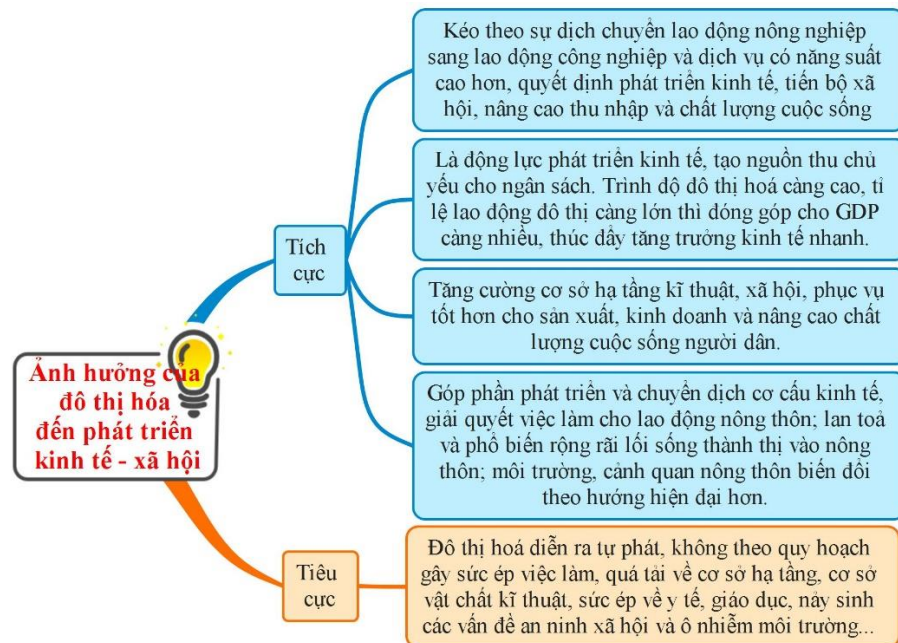
a) **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong bài học.

b) **Nội dung:** HS sử dụng SGK và kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

* **Câu hỏi:** Về sơ đồ thể hiện ảnh hưởng của đô thị hoá đến phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta.

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

* **Gợi ý:**



d) **Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) **Mục tiêu:** Vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn.

b) **Nội dung:** HS sử dụng SGK, Internet và vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi.

* **Câu hỏi:** Suy tầm thông tin và giới thiệu về một đô thị ở nước ta mà em quan tâm.

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

* **Gợi ý:**

Thành phố Hồ Chí Minh là một đô thị lớn, một trung tâm kinh tế, một thành phố đa dạng tộc người và văn hóa, một đô thị sớm được quy hoạch hoàn chỉnh theo kiểu phương Tây. Thành phố

Hồ Chí Minh hay Sài Gòn, là thành phố lớn nhất Việt Nam và là một siêu đô thị trong tương lai gần. Đây còn là trung tâm kinh tế, giải trí, một trong hai trung tâm văn hóa và giáo dục quan trọng tại Việt Nam. Thành phố Hồ Chí Minh là thành phố trực thuộc trung ương. Thành phố Hồ Chí Minh có chỉ số phát triển con người ở mức cao, đứng thứ hai trong số các đơn vị hành chính của Việt Nam. Tuy nhiên, thành phố Hồ Chí Minh gặp phải tình trạng quá tải dân số, tạo áp lực lớn lên nền kinh tế và đời sống người dân.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS tìm hiểu và thảo luận.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả hoạt động của HS.

4. Củng cố, dặn dò:

GV củng cố bài học bằng sơ đồ hóa kiến thức được chuẩn bị sẵn và trình chiếu, nhấn mạnh các nội dung trọng tâm của bài.

5. Hướng dẫn về nhà:

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.
- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.
- Chuẩn bị bài mới: Ôn tập GK1.

TIẾT 19. BÀI 9. THỰC HÀNH: VIẾT BÁO CÁO VỀ MỘT CHỦ ĐỀ DÂN CƯ Ở VIỆT NAM

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Viết được báo cáo giới thiệu một trong các chủ đề về dân số, lao động và việc làm, đô thị hoá ở Việt Nam.

2. Năng lực:

*** Năng lực chung:**

- *Năng lực tự chủ và tự học:*
 - + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm để thực hiện nhiệm vụ thực hành.
 - + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân.
- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm.
- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ...

*** Năng lực đặc thù:**

- *Nhận thức khoa học địa lí:*
 - + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Thu thập được thông tin và liên hệ thực tế để viết báo cáo về chủ đề dân cư ở nước ta.
 - + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được một số vấn đề về dân cư nước ta.
- *Tìm hiểu địa lí:*
 - + Sử dụng các công cụ địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ,...

- + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí.
- *Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:*
- + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về dân cư nước ta.
- + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến dân cư nước ta.

3. Phẩm chất:

- *Yêu nước:* Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. Tự hào về các đặc điểm dân số nước ta.
- *Nhân ái:* Có mối quan hệ hài hòa với người khác.
- *Chăm chỉ:* Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.
- *Trung thực* trong học tập.
- *Trách nhiệm:* Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Thiết bị:** Máy tính, máy chiếu.

2. **Học liệu:** SGK, tranh ảnh, video.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. **Ổn định:**

2. **Kiểm tra bài cũ:** Kết hợp trong quá trình học.

3. **Hoạt động học tập:**

HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)

a) **Mục tiêu:** HS xác định được yêu cầu, nhiệm vụ của bài thực hành.

b) **Nội dung:** HS sử dụng SGK, hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi:

* **Câu hỏi:** Em hãy xác định nội dung cần chuẩn bị để thực hành.

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

1. Nội dung

Sưu tầm thông tin và viết báo cáo về một chủ đề dân cư ở Việt Nam. Có thể lựa chọn một trong các chủ đề sau:

- Chiến lược dân số của Việt Nam qua các thời kì.
- Thực trạng sử dụng lao động và giải pháp nâng cao chất lượng lao động ở Việt Nam.
- Tác động của đô thị hoá đối với vấn đề môi trường và một số vấn đề xã hội khác ở Việt Nam.

2. Nguồn tư liệu

- Nội dung các bài 6, 7, 8,
- Website của Tổng cục Thống kê: <https://gso.gov.vn>
- Cổng thông tin điện tử của Bộ Xây dựng: <https://moc.gov.vn>
- Trang thông tin điện tử lưu trữ văn bản Chính phủ: <https://vanban.chinhphu.vn>

d) **Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS đọc SGK, xác định rõ yêu cầu của bài thực hành và trình chiếu lên màn hình.
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 02 phút.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động. Thực hành

a) Mục tiêu: HS sưu tầm, hệ thống hóa được các tư liệu, số liệu và Viết được báo cáo giới thiệu về một trong các chủ đề: dân số, lao động và việc làm, đô thị hoá ở Việt Nam.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, SGK, làm việc theo 4 nhóm để thực hiện các bước chuẩn bị và tìm hiểu gợi ý thông tin tham khảo theo hướng dẫn của GV để hoàn thành nội dung báo cáo.

c) Sản phẩm: Sản phẩm hoàn thiện của HS theo gợi ý.

3. Gợi ý thực hiện

- Chọn chủ đề.
- Xây dựng đề cương.
- Thu thập, chọn lọc, xử lý tư liệu.
- Viết và trình bày báo cáo.

TÁC ĐỘNG CỦA ĐÔ THỊ HOÁ ĐỐI VỚI VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

* Tác động của đô thị hóa đối với vấn đề môi trường

- Gia tăng ô nhiễm không khí tại các khu vực đô thị luôn ở ngưỡng cao do: khí thải, khói bụi từ các phương tiện giao thông, hoạt động sản xuất công nghiệp, sinh hoạt,...
- Khói bụi đô thị, mối nguy tiềm ẩn đối với sức khỏe con người
- Ô nhiễm tiếng ồn từ các hoạt động giao thông vận tải, sản xuất công nghiệp, xây dựng cơ sở hạ tầng,...
- Gia tăng ô nhiễm nguồn nước mặt, nước ngầm do: nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp. Hiện nay, ô nhiễm môi trường tại các tuyến kênh rạch, hồ trong nội thành, nội thị vẫn đang diễn biến phức tạp. Nhiều sông ở nội thành vẫn là các kênh dẫn nước thải, chất lượng nước cũng bị suy giảm.
- Đặc biệt trong những năm gần đây, tình trạng úng ngập tại nhiều đô thị không những không được cải thiện mà còn có xu hướng mở rộng và gia tăng, gây ra nhiều trở ngại cho người dân. Nguyên nhân do các khu vực nội thị cũ đều được xây dựng thêm nhiều nhà cao tầng trên cơ sở hạ tầng kỹ thuật ngày càng xuống cấp trong khi các khu vực đô thị mới, mở rộng với những quy hoạch không tính toán đầy đủ việc tiêu thoát nước tổng thể cho cả vùng.
- Bùng nổ chất thải rắn từ sinh hoạt, công nghiệp dẫn đến khó khăn trong việc thu gom, vận chuyển, xử lý gây ô nhiễm nguồn nước, không khí, lan truyền dịch bệnh,...
- Sử dụng đất bất hợp lý khiến cho diện tích rừng tự nhiên, cây xanh bị thu hẹp để sử dụng cho đất ở, cơ sở hạ tầng.

* Một số tác động quá trình đô thị hóa đến các vấn đề xã hội

- Đô thị hoá nhanh tạo ra sức ép lớn lên hệ thống cơ sở hạ tầng.
- Chính sự di chuyển cơ học ồ ạt, nhanh hơn tốc độ phát triển của cơ sở hạ tầng tạo áp lực ngày càng tăng lên hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị, trực tiếp nhất là gây ra tình trạng tắc nghẽn giao thông và ô nhiễm môi trường. Từ nhiều năm nay, tình trạng ùn tắc giao thông trên nhiều con đường, tuyến phố của những đô thị lớn Thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh trở thành “nỗi khổ không của riêng ai”. Hà Nội đã có tuyến buýt nhanh BRT đầu tiên, nhiều tuyến đường được mở rộng và xây mới,... nhưng ùn tắc giao thông vẫn là một vấn nạn.
- Quá trình đô thị hóa và phát triển đô thị cũng khiến cho dân số đô thị tăng nhanh, trong khi hạ tầng nhà ở và các dịch vụ xã hội như giáo dục, y tế, ... không đáp ứng đầy đủ, kịp thời, tạo nên sức ép quá tải ngày càng lớn (về đất đai, kết cấu hạ tầng, công tác quy hoạch và quản lý đô thị...). Do đó, xuất hiện nhiều khu nhà ổ chuột, nhà trên kênh rạch, nhà tạm, nhất là các đô thị lớn, như thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Cần Thơ... Hạ tầng xã hội - hạ tầng kỹ thuật quá tải, rác thải, khí thải gia tăng tác động đến môi trường. Trong đó, Hà Nội là địa bàn dễ bị ảnh hưởng bởi những tác động này, theo số liệu của **Sở TN&MT (nay là Sở Nông nghiệp và môi trường)** Hà Nội, những năm gần đây nhiệt độ trung bình năm trên địa bàn Thành

phổ tăng 0,7 độ C, độ lệch tiêu chuẩn lượng nước mưa trong năm biến đổi trong khoảng 311 - 502 mm. Thông số trên cho thấy, Hà Nội dễ bị “tổn thương” do những biến đổi của môi trường, khí hậu... Khu vực đô thị đang phải đối mặt với vấn đề ô nhiễm môi trường và tình trạng suy thoái môi trường nghiêm trọng. Hệ thống cây xanh, công viên cũng như các hạ tầng kỹ thuật khác không đáp ứng yêu cầu của người dân đô thị. Do chưa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của ứng phó với biến đổi khí hậu và thiếu kinh phí lập bản đồ cảnh báo thiên tai cho các chủ đầu tư, người dân và các cơ quan chính quyền, việc triển khai của các địa phương thực hiện các quy định của Nhà nước về ứng phó với biến đổi khí hậu còn rất chậm và chưa hiệu quả. Mục tiêu chính sách bảo vệ môi trường đô thị có sự chưa thống nhất giữa các ngành. Các công cụ đánh giá môi trường chiến lược và đánh giá tác động của môi trường còn hạn chế, chưa phát huy được chức năng ngăn ngừa, giảm thiểu tác động tiêu cực của môi trường trong quá trình phát triển đô thị.

*** Ảnh hưởng đến sinh kế của người dân, khiến chênh lệch giàu nghèo, thu nhập ngày càng tăng.**

- Công nghiệp hóa và đô thị hóa diễn ra nhanh chóng trong một thời gian ngắn đã làm cho một bộ phận lớn người nông dân tại các khu vực ven đô phải từ bỏ sản xuất nông nghiệp truyền thống của mình.

+ Việc mất đất nông nghiệp đã ảnh hưởng lớn đến đời sống xã hội của những người nông dân ở khu vực nông thôn.

+ Khi đất đai bị thu hẹp thì người nông dân bị mất đi phần tư liệu sản xuất quan trọng nhất để tạo nên thu nhập cho cuộc sống của gia đình họ và tạo ra của cải cho xã hội.

+ Theo thống kê của Cục Hợp tác xã và Phát triển nông thôn, **Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (nay là Bộ nông nghiệp và môi trường)** thì mỗi hecta đất nông nghiệp bị chuyển đổi mục đích sử dụng sẽ làm mất đi việc làm của 14-16 lao động nông thôn. Những lao động bị mất việc làm nông nghiệp này bắt buộc phải di chuyển tự phát về các thành phố hoặc đô thị lớn tìm kiếm việc làm.

- Đã có nhiều chính sách hỗ trợ đào tạo nghề để chuyển đổi sinh kế cho người dân. Tuy nhiên, hoạt động này còn gặp nhiều bất cập.

+ Khó khăn lớn nhất trong chuyển nghề, tìm việc làm cho lao động nông nghiệp là trình độ học vấn và tay nghề thấp của người lao động.

+ Ý thức của người lao động vẫn còn kém, hầu như không có kỷ luật lao động, tác phong thiếu chuyên nghiệp nên doanh nghiệp không muốn tuyển dụng.

+ Người lao động ở nông thôn bị thu hồi đất có số lượng đông nhưng chất lượng yếu kém. Trình độ học vấn của người nông dân thấp, thậm chí nhiều người còn chưa học hết phổ thông trung học, hiểu biết xã hội hạn chế, ngoài kinh nghiệm về việc đồng áng họ không có các kiến thức, hiểu biết về xã hội và các ngành nghề khác. Người lao động này thường được bố trí công việc giản đơn, thu nhập thấp, thời gian gò bó, vì thế chỉ sau một thời gian ngắn họ đành bỏ việc, trở thành thất nghiệp.

- Một bất cập nữa trong việc đào tạo nghề cho lao động bị thu hồi đất là do chưa gắn việc thu hồi đất với quy hoạch tái định cư và kế hoạch cụ thể về hỗ trợ tay nghề, việc làm cho người lao động.

+ Đào tạo nghề không dựa trên cơ sở đánh giá nhu cầu của thị trường lao động, chủ yếu dạy các nghề mà trung tâm dạy nghề có chứ không phải nghề doanh nghiệp cần.

+ Việc thông tin, tuyên truyền đến người dân về kế hoạch, quy hoạch chuyển đổi đất thực hiện chậm trễ, chưa đầy đủ khiến người lao động bị động; chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành trong việc nâng cao nhận thức và định hướng cho người dân chuyển đổi nghề phù hợp sau khi bị thu hồi đất.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**
 - + Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.
 - + HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 05 phút.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**
 - + GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.
 - + Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: củng cố lại kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong bài học.

b) Nội dung: HS sử dụng SGK và kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

I. Trắc nghiệm

Câu 1. Dân cư thành thị nước ta

- A.** có tỉ lệ tăng liên tục qua các năm.
- B.** tập trung hoàn toàn ở đồng bằng.
- C.** chỉ hoạt động trong ngành dịch vụ.
- D.** có tỉ trọng lớn trong tổng số dân.

Câu 2. Xu hướng già hoá của dân số nước ta **không** có biểu hiện nào sau đây?

- A.** Tỉ lệ người trên 65 tuổi tăng.
- B.** Tuổi thọ trung bình tăng lên.
- C.** Tỉ lệ người từ 0 - 14 tuổi tăng.
- D.** Tỉ suất gia tăng dân số giảm.

Câu 3. Nước ta có thành phần dân tộc đa dạng chủ yếu do

- A.** lịch sử định cư và khai thác lãnh thổ từ sớm.
- B.** có nền văn hóa đa dạng giàu bản sắc dân tộc.
- C.** là nơi gặp gỡ nhiều luồng di cư lớn trong lịch sử.
- D.** tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa của thế giới.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Vận dụng tri thức địa lý giải quyết vấn đề thực tiễn.

b) Nội dung: HS sử dụng SGK, Internet và vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi.

II. Đúng - sai

Câu 6. Cho thông tin sau:

Dân số trung bình năm 2022 của cả nước ước tính 99,46 triệu người, tăng 957,3 nghìn người, tương đương tăng 0,97% so với năm 2021. Trong tổng dân số, dân số thành thị 37,35 triệu người, chiếm 37,6%; dân số nông thôn 62,11 triệu người, chiếm 62,4%; Tỷ số giới tính khi sinh là 111,6 bé trai/100 bé gái.

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)

- a)** Dân số trung bình của cả nước tăng. **(Đ)**
- b)** Nước ta có sự mất cân bằng giới tính khi sinh. **(Đ)**
- c)** Số dân ở nông thôn nhiều do quá trình công nghiệp hóa chưa mạnh. **(Đ)**
- d)** Dân số của nước ta đông làm giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế. **(S)**

III. Trả lời ngắn

Câu 7. Năm 2020, dân tộc Việt (Kinh) của nước ta có 82,9 triệu người, các dân tộc khác là 13,18 triệu người. Như vậy người Kinh chiếm tỉ trọng là bao nhiêu % trong tổng số dân? (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất)

Đáp án: 86,3

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS tìm hiểu và thảo luận.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả hoạt động của HS.

4. Củng cố, dặn dò:

GV củng cố bài học bằng sơ đồ hóa kiến thức được chuẩn bị sẵn và trình chiếu, nhấn mạnh các nội dung trọng tâm của bài.

5. Hướng dẫn về nhà:

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.
- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.
- Chuẩn bị bài mới: BÀI 10. CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ

Ngày soạn: 18/11/2025

PHẦN 3. ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH KINH TẾ

TIẾT 20-21. BÀI 10. CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

Đã bỏ ý: Chứng minh và giải thích được sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành, theo thành phần kinh tế, theo lãnh thổ ở nước ta.

- Phân tích được ý nghĩa của sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta.
- Chứng minh và giải thích được sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.
- Nêu và đánh giá được vai trò của mỗi thành phần kinh tế trong nền kinh tế đất nước hiện nay.
- Vẽ được biểu đồ, phân tích biểu đồ và số liệu thống kê liên quan đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

2. Năng lực:

*** Năng lực chung:**

- *Năng lực tự chủ và tự học:*
 - + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm.
 - + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân.
- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm.
- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ...

*** Năng lực đặc thù:**

- *Nhận thức khoa học địa lí:* Xác định được nguyên nhân và ý nghĩa của sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta.
- *Tìm hiểu địa lí:*
 - + Sử dụng các công cụ địa lí:
 - > Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlat...
 - > Biết đọc và sử dụng bản đồ, Atlat Địa lí Việt Nam.
 - > Biết thực hiện được một số tính toán đơn giản; biết nhận xét, phân tích được bảng số liệu thống kê.
 - > Nhận xét và giải thích biểu đồ; sử dụng mô hình, tranh ảnh...
- + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí.
- *Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:*
 - + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
 - + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nước ta.

3. Phẩm chất:

- *Yêu nước:* Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. Tự hào về quá trình phát triển kinh tế - xã hội nước ta. Tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.
- *Nhân ái:* Có mối quan hệ hài hòa với người khác.
- *Chăm chỉ:* Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.
- *Trung thực* trong học tập.

- *Trách nhiệm:* Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Thiết bị:** Máy tính, máy chiếu.

2. **Học liệu:** SGK, tranh ảnh, video.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. **Ổn định:**

2. **Kiểm tra bài cũ:** Kết hợp trong quá trình học.

3. **Hoạt động học tập:**

HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)

a) **Mục tiêu:** Tạo sự hứng thú cho HS, từ đó dẫn dắt, giới thiệu vào nội dung bài học.

b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK.

c) **Sản phẩm:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK, hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi.

* **Câu hỏi:** Theo dõi video và cho biết suy ngẫm của bản thân về nền kinh tế nước ta.

d) **Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Trình chiếu video và cho HS trả lời câu hỏi để “Vượt qua thử thách”.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS theo dõi và có 30 giây suy ngẫm sau đó trả lời câu hỏi.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

Mở đầu: Cơ cấu kinh tế nước ta chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hóa phù hợp với xu hướng phát triển của nền kinh tế thế giới. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế có ý nghĩa gì đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước? Cơ cấu kinh tế nước ta có sự chuyển dịch như thế nào?

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu ý nghĩa của sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta

a) **Mục tiêu:** HS phân tích được ý nghĩa của sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta.

b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, SGK, làm việc theo cặp để hoàn thành yêu cầu.

* **Câu hỏi:** Phân tích ý nghĩa của sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta.

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

I. Ý NGHĨA CỦA SỰ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ

Việc xác định cơ cấu kinh tế hợp lý và thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế có ý nghĩa chiến lược đối với đất nước:

- Phát huy các lợi thế so sánh, khai thác và sử dụng hợp lý các nguồn lực của đất nước, tái cơ cấu nền kinh tế theo hướng hiệu quả hơn.

- Tăng cường cập nhật, áp dụng khoa học - công nghệ, tạo nên các phương thức quản lý mới, hiện đại. Qua đó, nâng cao trình độ lao động, tăng năng suất và hiệu quả lao động, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của dân cư.

- Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Tạo ra năng lực sản xuất hàng hoá với khối lượng lớn, chất lượng cao, tham gia vào các chuỗi giá trị toàn cầu, tăng năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, góp phần đẩy nhanh quá trình hội nhập với khu vực và thế giới.

d) **Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK, kết hợp với hiểu biết của bản thân và trao đổi với bạn bên cạnh để trả lời câu hỏi.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 02 phút.

+ GV: quan sát và trợ giúp các cặp.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- + Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau.
- + Đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và hướng dẫn học sinh chốt kiến thức.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu khái niệm chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH

a) Mục tiêu: HS nêu được khái niệm chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, SGK, làm việc theo cặp để hoàn thành yêu cầu.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

II. CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

1. Khái niệm: là quá trình chuyển đổi toàn diện nền kinh tế và đời sống xã hội, dựa chủ yếu vào sự phát triển của công nghiệp và dịch vụ trên nền tảng áp dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, phù hợp với quá trình hội nhập và phát triển bền vững của đất nước.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo cặp để hoàn thành nhiệm vụ.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- + HS làm việc theo cặp trong khoảng thời gian: 05 phút.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

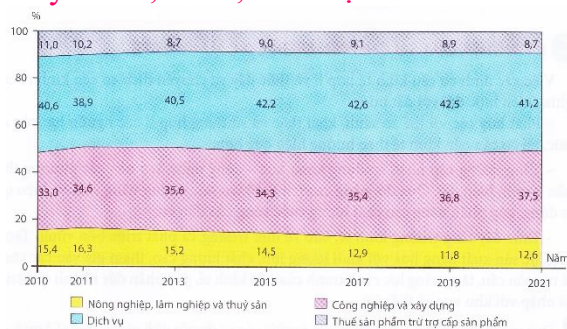
- + GV yêu cầu đại diện các cặp báo cáo kết quả.
- + Các cặp nhận xét, bổ sung cho nhau.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và hướng dẫn học sinh chốt kiến thức.

Hoạt động 2.3. Tìm hiểu biểu hiện của chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa

a) Mục tiêu: HS chứng minh và giải thích được sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, SGK, làm việc nhóm để hoàn thành phiếu học tập:



Hình 10. Cơ cấu GDP ở nước ta giai đoạn 2010 - 2021

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011, 2016, 2022)

Bảng 10. CƠ CẤU GDP PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2021

(Đơn vị: %)

Cơ cấu GDP	Năm	2010	2015	2021
Kinh tế Nhà nước		29,3	22,8	21,2
Kinh tế ngoài Nhà nước		43,0	50,6	50,1

Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	15,2	17,5	20,0
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	12,5	9,1	8,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011, 2016, 2022)

PHIẾU HỌC TẬP

Nhóm	Nội dung	Biểu hiện
1,4	Theo ngành	
2,5	Theo thành phần	
	Theo lãnh thổ	
3,6	Cơ cấu lao động	
	Phát triển bền vững	

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

II. CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

2. Biểu hiện:

a) Theo ngành:

- Trong cơ cấu GDP: Giảm tỉ trọng nhóm ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; tăng tỉ trọng nhóm ngành công nghiệp và xây dựng dịch vụ.
- Khu vực công nghiệp và dịch vụ có vai trò quan trọng và tỉ trọng ngày càng tăng trong cơ cấu kinh tế.
- Trong mỗi nhóm ngành:
 - + Tăng tỉ trọng các ngành có hiệu quả kinh tế và hàm lượng khoa học - công nghệ cao, giảm tỉ trọng của các ngành có hiệu quả kinh tế thấp, sử dụng nhiều tài nguyên và lao động.
 - + Ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản: tăng tỉ trọng của ngành thủy sản, giảm tỉ trọng của ngành nông nghiệp.
 - + Ngành công nghiệp:
 - > Giảm tỉ trọng nhóm ngành công nghiệp khai khoáng, tăng tỉ trọng nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo.
 - > Chú trọng những ngành ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ từng bước được hình thành và phát triển.
 - + Ngành dịch vụ: phát triển đa dạng, dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, tăng cường chuyển đổi số,...

b) Theo thành phần kinh tế:

Giảm tỉ trọng của kinh tế Nhà nước, tăng tỉ trọng của kinh tế ngoài Nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

c) Theo lãnh thổ:

- Trên phạm vi cả nước:
 - + Đã hình thành 6 vùng kinh tế - xã hội
 - + Các hình thức lãnh thổ khác như khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, hành lang kinh tế,... được hình thành ở nhiều địa phương.
- Trong nông nghiệp: hình thành và mở rộng các vùng chuyên canh, các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, trang trại,...
- Trong công nghiệp: hình thành và phát triển của các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghiệp công nghệ cao, sự mở rộng các trung tâm công nghiệp,...
- Trong dịch vụ: các cơ sở dịch vụ được mở rộng và phát triển theo hướng hiện đại, phục vụ tốt hơn cho các ngành sản xuất vật chất và đáp ứng nhu cầu của nhân dân...

- d) Cơ cấu lao động:** Khuyến dịch theo hướng gia tăng lực lượng lao động có kỹ thuật và trình độ cao hơn.
- e) Phát triển bền vững:** Không chỉ đạt được mục tiêu tăng trưởng mà còn hướng đến sự phát triển bền vững.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- + Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.
- + HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 05 phút.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- + GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.
- + Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và hướng dẫn học sinh chốt kiến thức.

Hoạt động 2.4. Tìm hiểu vai trò của các thành phần kinh tế trong nền kinh tế đất nước hiện nay.

a) Mục tiêu: HS nêu được vai trò của các thành phần kinh tế trong nền kinh tế đất nước hiện nay.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, SGK, làm việc theo cặp để hoàn thành yêu cầu.

- **Câu hỏi:** Nêu vai trò của các thành phần kinh tế trong nền kinh tế đất nước hiện nay.

Bảng 10. CƠ CẤU GDP PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2021

(Đơn vị: %)

Cơ cấu GDP	Năm	2010	2015	2021
Kinh tế Nhà nước		29,3	22,8	21,2
Kinh tế ngoài Nhà nước		43,0	50,6	50,1
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài		15,2	17,5	20,0
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm		12,5	9,1	8,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011, 2016, 2022)

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

III. VAI TRÒ CỦA CÁC THÀNH PHẦN KINH TẾ

Các thành phần KT có vai trò khác nhau, có mối quan hệ và tác động lẫn nhau, hỗ trợ nhau cùng phát triển.

Kinh tế	Vai trò
Nhà nước	Giữ vai trò chủ đạo.
Ngoài Nhà nước	- Được khuyến khích phát triển ở tất cả các ngành, lĩnh vực mà pháp luật cho phép, nhất là trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. - Phát huy nguồn lực trong nhân dân, tạo động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế của các địa phương và cả nước.
Có vốn đầu tư nước ngoài	- Được hình thành và phát triển trong vài thập kỉ gần đây. - Giữ vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân....

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo cặp để hoàn thành nhiệm vụ.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ HS làm việc theo cặp trong khoảng thời gian: 05 phút.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ GV yêu cầu đại diện các cặp báo cáo kết quả.

+ Các cặp nhận xét, bổ sung cho nhau.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và hướng dẫn học sinh chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** củng cố lại kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong bài học.

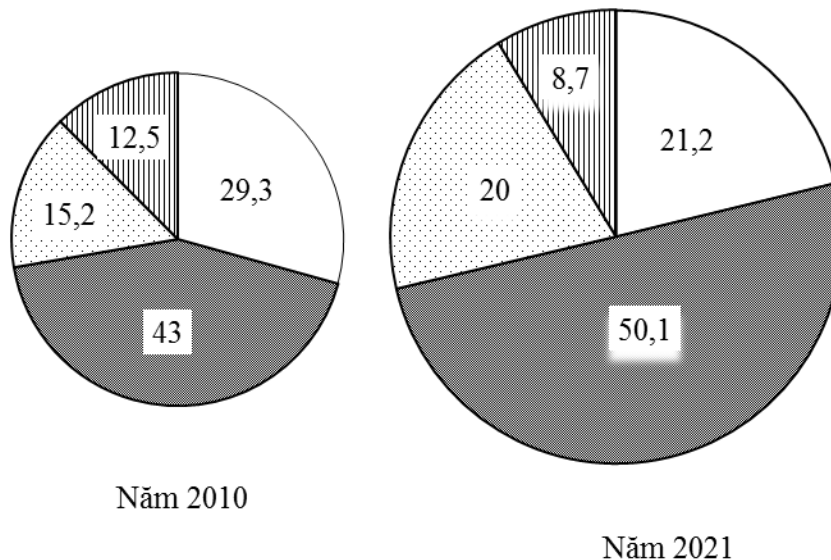
b) **Nội dung:** HS sử dụng SGK và kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

* **Câu hỏi:** Dựa vào bảng 10, vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu GDP phân theo thành phần kinh tế của nước ta năm 2010 và năm 2021. Nêu nhận xét.

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

* **Gợi ý:**

- Vẽ biểu đồ:



- Kinh tế Nhà nước
- Kinh tế ngoài Nhà nước
- ▤ Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài
- ▨ Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm

CƠ CẤU GDP PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2021

(Đơn vị: %)

- Nhận xét: nhìn chung, cơ cấu GDP phân theo thành phần kinh tế của nước ta năm 2010 và năm 2021 đã có sự thay đổi theo hướng, giảm tỉ trọng khu vực kinh tế Nhà nước, tăng tỉ trọng khu vực kinh tế ngoài Nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, cụ thể:

- + Khu vực kinh tế Nhà nước giảm tỉ trọng (d/c)
- + Khu vực kinh tế ngoài Nhà nước tăng tỉ trọng (d/c)
- + Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng tỉ trọng (d/c)
- + Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm có tỉ trọng giảm (d/c)

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn.

b) Nội dung: HS sử dụng SGK, Internet và vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi.

* **Câu hỏi:** Suu tầm thông tin, tìm hiểu vai trò của một hình thức tổ chức lãnh thổ kinh tế (khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp,...) ở nước ta.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

* **Gợi ý:**

Vai trò của Khu kinh tế cửa khẩu

- Góp phần thúc đẩy mở rộng thị trường xuất nhập khẩu hàng hóa, thúc đẩy quá trình chuyển dịch nền kinh tế từ cung tự cấp sang nền kinh tế sản xuất hàng hóa, tạo ra sự phát triển ở các vùng để hình thành khu vực thị trường rộng lớn có khả năng thu hút và thâm nhập với các khu vực thị trường khác. Đem lại nhiều cơ hội việc làm cho người lao động không chỉ ở khu vực cửa khẩu mà còn ở các vùng lân cận. Trao đổi thương mại thông qua các khu kinh tế cửa khẩu theo đó gia tăng, góp phần phát triển sản xuất trong nước.

- Thúc đẩy phát triển công nghiệp, dịch vụ, du lịch và hoàn thiện kết cấu hạ tầng khu vực cửa khẩu, biên giới; Tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư; Phát triển khoa học công nghệ; Hợp tác liên doanh, chuyển giao công nghệ với các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Thông qua hoạt động của các khu kinh tế cửa khẩu, sản phẩm nông nghiệp Việt Nam đã chiếm lĩnh thị phần của đa dạng thị trường; Người nông dân có cơ hội nắm bắt, mua sắm, sử dụng thiết bị, vật tư, giống cây trồng, vật nuôi có chất lượng cao để phát triển nông nghiệp...

- Góp phần tăng trưởng kinh tế, xóa đói giảm nghèo; Thúc đẩy hợp tác kinh tế - thương mại, xây dựng mối quan hệ hữu nghị bền vững với nước bạn: Sự hình thành và phát triển của các khu kinh tế cửa khẩu thúc đẩy phát triển ngành nghề sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm và thu nhập cho người dân, góp phần xóa đói giảm nghèo, đời sống nhân dân theo đó từng bước được nâng lên.

- Sự phát triển khu kinh tế cửa khẩu còn tạo điều kiện hình thành các khu dân cư tập trung dọc biên giới, góp phần đẩy mạnh giao lưu kinh tế văn hóa, quốc phòng an ninh khu vực biên giới, thắt chặt tình hữu nghị giữa các quốc gia, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập kinh tế khu vực và thế giới...

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS tìm hiểu và thảo luận.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả hoạt động của HS.

4. Củng cố, dặn dò:

GV củng cố bài học bằng sơ đồ hóa kiến thức được chuẩn bị sẵn và trình chiếu, nhấn mạnh các nội dung trọng tâm của bài.

5. Hướng dẫn về nhà:

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.
- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.
- Chuẩn bị bài mới: BÀI 11. VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP

